TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST Ngày: 20-5-2022 V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Đặng Văn Bộ;

2. bà Nguyễn Thị Hương.

Thư ký phiên tòa*:* ông Đỗ Ngọc Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Cao Thị Th, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh T, có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Cao Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 20/11/2008. Vợ chồng chung sống đến tháng 12 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Th đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức V.

Về con chung*:* Chị Th khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 29/6/2011, chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, hiện tại chị đang làm thẩm mỹ, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng.

Về tài sản: Chị Cao Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai đề ngày 29/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Đức V trình bày: Anh và chị Cao Thị Th tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 20/11/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, thi thoảng có xảy ra xung đột, cãi chửi nhau nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không phải là lý do dẫn đến vợ chồng phải ly hôn. Nay chị Th đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh V không đồng ý.

Về con chung*:* Anh V khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 29/6/2011. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh V đồng ý để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phong, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Về tài sản: Anh Nguyễn Đức V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Th đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh V và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Đức V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh V là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Cao Thị Th và anh Nguyễn Đức V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Theo biên bản xác minh ngày 28/3/2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Th và anh V là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Như vậy,

trong cuộc sống vợ chồng giữa chị Th và anh V luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột, chứng tỏ đời sống chung giữa chị Th và anh V đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh V là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Th và anh V thừa nhận, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 29/6/2011. Chị Th có nguyện vọng được nuôi cháu P, cháu P cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Để tránh xáo trộn về tâm lý cũng như việc học tập của cháu, giao cháu P cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng,là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản: Chị Th và anh V không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Thúyphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị Th và anh Nguyễn Đức V.

2. Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 29/6/2011 là con chung của chị Th và anh V. Giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Việt không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh V không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Th.

3. Về án phí: Chị Cao Thị Th phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị Th đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004271 ngày 22/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Việtcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Văn Bộ Nguyễn Thị Hương Trịnh Thanh Hương